TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày 12 - 03 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Văn Nam

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Biên và ông Lê Văn Ký.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Trịnh Huy Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2024, tại Điểm cầu trung tâm - trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa và Đ cầu thành phần - Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 10/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024, đối với:

- *Các bị cáo:*

1. Lại Văn S, sinh 06/10/1998, tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lại Văn N và bà: Bùi Thị N1; tiền án: ngày 14/12/2021, bị Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" (nộp án phí HSST ngày 24/02/2022, chấp hành xong án phạt tù ngày 11/08/2022); tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/10/2023 đến ngày 21/10/2023 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Thanh Hóa đến nay. Có mặt.

2. Trịnh Văn Đ1, sinh ngày 05/9/2000, tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn N2 và bà Trần Thị L; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/10/2023 đến ngày 21/10/2023 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Thanh Hóa đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* chị Bùi Thị N1, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

- *Người chứng kiến:* ông Phạm Văn C, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác tại Điểm cầu thành phần:*

1. Bà Lê Minh A - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Ông Cao Hồng N3 - Cán bộ Chiến sỹ Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

3. Ông Khương Phú P - Cán bộ Chiến sỹ Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 45 phút, ngày 15/10/2023, tại khu vực P thuộc thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, Tổ công tác Công an huyện H phát hiện Lại Văn S và Trịnh Văn Đ1 có biểu hiện nghi vấn, tiến hành kiểm tra và thu giữ trong túi áo khoác bên trái đang mặc của Lại Văn S một bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, bên trong có 01 gói giấy chứa chất bột màu trắng ngà, dạng cục vụn và 01 gói polyetylen chứa các hạt tinh thể màu trắng, đều nghi là ma tuý được niêm phong trong phong bì có ký hiệu "Vụ Lại Văn S", 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Winer X, biển kiểm soát 36B7 - 484.67, 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave RS, biển kiểm soát 36L6 - 0487; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 Plus gắn sim số thuê bao 0972208681, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 gắn các sim số thuê bao 0396672829 và 0987751225, 04 tờ tiền polyme, mỗi tờ mệnh giá 100.000 đồng. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lại Văn Sỹ và Trịnh Văn Đ1 về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

Quá trình điều tra, Lại Văn S và Trịnh Văn Đ1 đều khai nhận: bản thân các bị cáo là người nghiện ma tuý nên khoảng 09 giờ, ngày 15/10/2023, Đ1 rủ S góp tiền mua ma túy về sử dụng. Khoảng 09 giờ 40 phút cùng ngày, Đ1 gọi điện thoại cho S nói Đ1 có 200.000 đồng và bảo S góp thêm tiền để mua ma túy. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, S gọi điện cho Đ1 và hẹn ra khu vực cống Phủ Suối tại thôn M, xã H đợi. Khoảng 10 phút sau, Đ1 đến, S để lại chiếc xe mô tô HONDA Wave RX màu vàng, biển kiểm soát 36L6 - 0487 ở đó rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36B7 - 484.67 của Đ1 và chở Đ1 đi đến huyện K, tỉnh Ninh Bình mua ma túy để sử dụng. S điều khiển xe đến khu vực thị trấn P, huyện K thì gặp một người đàn ông không quen biết đứng ở ven đường hỏi mua ma túy. Đ1 đứng chờ còn S đi cùng người đàn ông không quen biết để đi mua 02 gói ma túy với số tiền 400.000 đồng (S và Đ1 mỗi người góp 200.000 đồng). Sau khi mua được ma túy, S cầm 02 gói ma túy bỏ vào bao thuốc lá Thăng Long màu vàng rồi bỏ bao thuốc lá vào túi áo khoác bên trái S đang mặc trên người rồi quay lại chở Đ1 đi về xã H, huyện H. Đến khu vực cống P, thuộc thôn M, xã H, huyện H, S dừng lại lấy gói ma túy ra để

chia cho Đ1 để sử dụng thì bị Tổ công tác Công an huyện H phát hiện và bắt quả tang thu giữ trong túi áo khoác bên trái S đang mặc trên người 01 bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, bên trong bao thuốc lá có chứa 01 gói ma túy Heroine và 01 gói ma túy đá mà S và Đ1 vừa đi mua về.

Tại Kết luận giám định số 3818/KL-KTHS ngày 20/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì có ký hiệu "vụ Lại Văn S" niêm phong gửi giám định là ma tuý có tổng khối lượng 0,149g, loại Heroine. Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong có ký hiệu "vụ Lại Văn S" niêm phong gửi giám định có tổng khối lượng 0,246g, loại Methamphetamine.

Cáo trạng số 08/CT-VKS-HT ngày 11/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Lại Văn S và Trịnh Văn Đ1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố các bị cáo Lại Văn S và Trịnh Văn Đ1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Căn cứ vào: điểm i khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo S và Đ1 (điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo S); các điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử phạt: bị cáo Lại Văn S từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù; bị cáo Trịnh Văn Đ1 từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù. Tịch thu tiêu hủy khối lượng ma túy còn lại sau giám định; trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Winer X, biển kiểm soát 36B7 - 484.67 cho bị cáo Trịnh Văn Đ1 và số tiền 400.000 đồng cho bị cáo Lại Văn S; tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 Plus gắn sim số thuê bao 0972208681 của Trịnh Văn Đ1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia gắn các sim số thuê bao 0396672829 và 0987751225 của Lại Văn S. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng: quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về tội danh: lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của các bị cáo ở giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến, phù hợp với vật chứng thu giữ được và bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định: khoảng 12 giờ 45 phút, ngày 15/10/2023, tại khu vực P, thuộc thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, Tổ công tác Công an huyện H kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang Lại Văn S và Trịnh Văn Đ1 đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy gồm 0,149g Heroine và 0,246g Methamphetamine để sử dụng. Tổng khối lượng 02 loại ma tuý các bị cáo tàng trữ trái phép là 0,395g. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung truy tố các bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Lại Văn S và Trịnh Văn Đ1. Ngoài lời khai của các bị cáo, không có tài liệu khác để xác định danh tính của người này nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự.

[3]. Xét tính chất, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt của các bị cáo trong vụ án:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma tuý. Đây là chất gây nghiện, có tác hại rất lớn và ảnh hưởng xấu tới sức khoẻ con người, là một trong những nguyên nhân chính gây ra các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc và cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó Trịnh Văn Đ1 là người rủ Lại Văn S góp tiền và cùng S đi mua ma túy để sử dụng, S là người trực tiếp mua ma túy.

Bị cáo Trịnh Văn Đ1 không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 58/2021/HSST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã xử phạt bị cáo Lại Văn S 12 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/08/2022 nhưng chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Lại Văn S và Trịnh Văn Đ1 sau khi phạm tội đều thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo Trịnh Văn Đ1 là người khởi xướng nhưng bị cáo Lại Văn S là người trực tiếp mua ma túy và có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên bị cáo S phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Đ1 là phù hợp.

[4]. Về xử lý vật chứng: khối lượng ma túy cơ quan điều tra thu giữ được còn lại sau giám định gồm 0,119g Heroin và 0,214g Methamphetamine, tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K Công an tỉnh T phát hành là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên phải tịch thu tiêu huỷ.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Winer X, biển kiểm soát 36B7-484.67 là tài sản của bị cáo Trịnh Văn Đ1 sử dụng làm phương tiện đi lại, không liên quan đến việc phạm tội. Mặt khác, xe mô tô này không phải là vật chứng của vụ án khác nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave RS, biển kiểm soát 36L6 – 0487, quá trình điều tra, xác định chiếc xe này là của bà Bùi Thị N1 (mẹ của bị cáo Lại Văn S), mặt khác chiếc xe này không phải là vật chứng của vụ án khác nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe này cho bà N1 là có căn cứ.

Đối với số tiền 400.000 đồng thu giữ của bị cáo Lại Văn S không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 Plus gắn sim số thuê bao 0972208681 của Trịnh Văn Đ1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia gắn các sim số thuê bao 0396672829 và 0987751225 của Lại Văn S là những vật chứng các bị cáo sử dụng làm phương tiện liên lạc để thực hiện tội phạm nên tịch sung vào ngân sách Nhà nước.

[5]. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lại Văn S và Trịnh Văn Đ1; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lại Văn S.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Khoản 2, khoản 3 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 6 và Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố: các bị cáo Trịnh Văn Đ1 và Lại Văn S phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

2. Xử phạt:

- Bị cáo Lại Văn S 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 15/10/2023.

- Bị cáo Trịnh Văn Đ1 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 15/10/2023.

3. Vật chứng: tịch thu tiêu huỷ toàn bộ khối lượng ma túy còn lại sau giám định gồm 0,119 gam Heroin và 0,214 gam Methamphetamine, tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K Công an tỉnh T phát hành.

Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn Đ1 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Winer X, biển kiểm soát 36B7-484.67.

Tịch sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 Plus gắn sim số thuê bao 0972208681 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 gắn các sim số thuê bao 0396672829 và 0987751225. Đặc điểm của vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/01/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Trả lại cho bị cáo Lại Văn S số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0003202 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

4. Án phí: buộc các bị cáo Lại Văn S và Trịnh Văn Đ1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hà Trung;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Hà Trung;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Văn Nam